

陳

陳功家譜世澤長遠

GIA PHẢ
HỌ

TRẦN CÔNG

CHI CÔNG RẠM

世澤長遠 德業永昌

THỂ TRẠCH TRƯỜNG VIỄN - ĐỨC NGHIỆP VĨNH XƯƠNG

Uống nước nhớ nguồn - Tôn kính tổ tiên
Đoàn kết con cháu - Dựng xây gia tộc

祖宗功德千年盛 子孫賢孝萬代榮

孝友
傳家

慎終追遠

祖宗功德千年盛

子孫賢孝萬代榮

慎終追遠

德

飲水思源

TRẦN CÔNG TỘC

CHI TRẦN CÔNG RẬM

TRUNG TÔNG PHẢ- TIỂU CHI



Catalog

HỌ TRẦN	8
HỌ TRẦN KHỞI NGHIỆP TẠI VIỆT NAM	11
HỌ TRẦN CÔNG -SƠ TỔ TAM ĐẠI TẠI ĐÀN CHẾ XƯA.....	13
I.TRIỆU TỔ.....	15
肇祖譜.....	15
TRIỆU TỔ- ĐỆ NHẤT	16
1.1. Vệ úy Trần Tướng công 衛尉陳將公- Lịch đại Tiên thủy tổ.	16
1.2.Tổ cô A Nương	17
TRIỆU TỔ - ĐỆ NHỊ	18
2.1. Văn Thắng hầu 文勝侯.....	18
2.2. Chính Đội trưởng 正隊長 -nhị lang.....	19
2.3. Tổ cô - Tám vị	19
TRIỆU TỔ - ĐỆ TAM.....	19
3.1. - Trần Công Khôi 陳公魁.....	19
3.2. -Trần Công Đáp 陳公答	20
3.3. -Trần Công Tư 陳公斯	20
3.4. - Trần Công Huân 陳公勳	20
3.5. -Tổ cô	20
II.ĐẠI TỘC PHỔ 大族譜	21
ĐẠI TỘC PHẢ.....	22
SƠ ĐỒ TỪ ĐỜI THỨ 4 ĐẾN ĐỜI THỨ 8 PHÂN MÔN.....	22
ĐỜI THỨ BỐN	23
4.1. Thủy Tổ - Trần Công Phụng 陳公鳳.....	23
4.2. Tổ cô.....	24
ĐỜI THỨ NĂM	24
5.1. Trần công Tuân 陳公遵	24
5.2. Trần Công Tính 陳公性.....	25
5.3. Trần Công Song 陳公雙	25
5.4. Trần Công Mật 陳公密.....	25
5.5. Trần Công Lai 陳公來.....	25
5.6. Tổ cô.....	25
ĐỜI THỨ 6.....	25
6.1. Trần công Phiêu 陳公標.....	25
6.2. Trần Công Kiên 陳公虔	26
ĐỜI THỨ 7.....	26
7.1 . Trần Công Luận 陳公論	26
7.2 . Trần Công Khuê 奎.....	27
ĐỜI THỨ 8 甲 chi.....	27
8.1. Trần công Giai 陳公佳	27
8.2. Trần Công Thọ 陳公壽.....	27
8.3. Trần công Dậy 陳公	27
8.4. Trần công Cư 居	28
8.5. Trần công Thanh 清.....	28
8.6. Trần công Chương 章	28
8.7. Trần công Diệu 妙	28
III. GIÁP MÔN PHỔ	29
IV. ẤT MÔN PHỔ.....	29
<u>V.</u> BÍNH MÔN PHỔ	29
BÍNH MÔN	30
ĐỜI THỨ 8-丙	31
8.3. Trần công Dậy	31
9.A TIỂU CHI ÔNG CÔNG TẠO	32

9.B.TIẾU CHI ÔNG CÔNG LƯƠNG	32
9C. TIẾU CHI ÔNG TRẦN CÔNG RẬM.....	33
9.6. Trần Công Rậm 陳公霖.....	34
ĐỒI THỨ 10	34
10.18. Trần Công Nhân 陳公仁	34
10.19. Trần Công Châu 陳公珠.....	34
ĐỒI THỨ 11.....	35
11.19. Trần Công Hành 陳公行.....	35
11.20. Trần Công Thang 陳公湯	35
11.21. Trần Công Tặng/Táng 陳公贈’	35
11.22. Trần Công Cừ- 陳公渠	36
11.23. Trần Công Phô 陳公哺	37
ĐỒI THỨ 12-丙	38
12.13-Trần Công Thiêu 韶	38
12.14-Trần Công Huyền 玄	38
12.15-Trần Công Miểu 眇	38
12.16-Trần Công Bưu 彪.....	38
12.17.Trần công Lợi 陳公利	38
12.18.Trần công Lễ 陳公禮.....	39
12.19.Trần công Nghĩa 陳公義	39
12.20.Trần công Viện 院/ Sáu.....	40
12.21.Trần công Tửu 酒.....	40
12.22.Trần công Độ 度	40
12.23.Trần công Hi 陳公矣.....	40
12.24.Trần công Phù 陳公浮/ Bộ 哺	41
12.25.Trần công Phì 陳公肥.....	41
12.26.Trần công Con 陳公琯	42
12.27.Trần công Tư 陳公罈	42
12.28.Trần công Chất 陳公憤	43
12.29.Trần công Bảy 陳公罷.....	43
12.30.Trần công Kiệm 儉	43
12.31.Trần công Thư 書	44
ĐỒI THỨ 13-丙	44
13.19-Trần Công Thiêu 燒.....	44
13.20.Trần Công Tư 罈	44
13.21.Trần Công Tĩnh 陳公靜.....	45
13.22.Trần Công Bình 平	45
13.23.Trần Công Bằng 朋 /	45
13.24.Trần Công Hữu 友	45
13.25.Trần Công Lục.....	46
13.26.Trần Công Định 定	46
13.27.Trần Công Diệt 姪	46
13.28.Trần Công Lục 陸/Sáu.....	46
13.29.Trần Công Con 琯	46
13.30.Trần Công Thù 殊.....	47
13.31.Trần Công Vinh 噤	47
13.32.Trần Công Vang 噤.....	47
13.33.Trần Công Tuyết 雪	47
13.34.Trần Công Nhượng 讓	47
13.35.Trần Công Xuân 春	48
13.36.Trần Công Quy 跪	48

13.37.Trần Công Ngung 隅	48
13.38.Trần Công Nghinh 迎	48
13.39.Trần Công Buồn 慍/giềng 塹(正盈).....	48
13.40.Trần Công Phương 方.....	49
13.41.Trần Công Lạp 臘.....	49
ĐỜI THỨ 14-丙	49
14.13.Trần Công Do 由	49
14.14.Trần Công Tư 司	49
14.15.Trần Công Đoan 端.....	50
14.16.Trần Công An 安	50
14.17.Trần Công Trâm 簪.....	50
14.18.Trần Công Anh 嬰.....	50
14.19.Trần Công Bình 平	50
14.20.Trần Công Hoán 喚.....	51
14.21.Trần Công Nhĩ 耳	51
14.22.Trần Công Con 毘	51
14.23.Trần Công Phụng 奉	51
14.24.Trần Công Đài 台	51
9.D.TIÊU CHI ÔNG TRẦN CÔNG KIỀNG	52
CÁC TIÊU CHI KHÁC.....	52
ĐỜI THỨ 9	52
9.8. Trần Công Phí 陳公費.....	52
9.9.Ông Công Đón 頓.....	52
9.10. Ông Công Tác 作	52
ĐỜI THỨ 10	52

HỌ TRẦN

Những người họ Trần gốc Bách Việt ở Tần Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Hoa đầu tiên di cư sang Việt Nam vào khoảng năm 227TCN, Trần Tự Minh giúp An Dương Vương kháng Tần thành công sau đó lập võ đường cư trú tại Kinh Bắc. Đến đời Trần Tự Mai di xuống xã An Sinh, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh ngày nay; sống bằng nghề chài lưới trên sông nước, trên đường làm ăn chuyên dân vào hương Tức Mạc, huyện Thiên Trường, tỉnh Nam Định. Về sau họ chuyển sang sinh sống tại Tam Đường, phủ Long Hưng, nay là vùng đất thuộc Thái Bình.

Họ Trần dòng thống tôn có chữ đệm là “Tự” cư ngụ ở Kinh Bắc, truyền đến đời Trần Tự An (1010-1077) mỗi ngày thêm hiển hách trong giới võ lâm của Đại Việt. Để phân biệt với các võ phái khác, Tự An đặt tên cho võ phái của mình là Đông A¹, chiết tự chữ “Trần” ra hai chữ “Đông và A” mà thành . Thời ấy ở Đại Việt có 3 phái võ nổi danh: phái võ Lĩnh Nam xuất phát từ Mê Linh, sau lưu truyền quanh vùng Tam Đảo-Ba Vì; phái võ Hoa Sơn xuất phát từ Kinh Bắc rồi lan truyền ra Thăng Long và các vùng phụ cận; phái võ Đông A của Tự An. Ba phái võ trên đều tràn đầy lòng tự tôn dân tộc, nhưng có sự khác nhau về hệ tư tưởng lại muốn thống trị giới võ lâm cả nước nên mâu thuẫn khá gay gắt. Phái Lĩnh Nam sùng bái đạo Lão, hai phái Hoa Sơn và Đông A

¹ Đông A, chữ hán là 阿 + 東 gộp thành 陳

cùng xuất phát ở Kinh Bắc, cùng theo Phật giáo Thiền tông, nhưng khác nhau về thân phận và võ thuật. Phái Hoa Sơn thuộc hoàng tộc nên lấn át phái Lĩnh Nam và Đông A về nhiều phương diện. Thế nhưng Đông A với sự dìu dắt của Trần Tự An hồi ấy có “Côi Sơn tam anh”, ba nhân vật võ công lừng lẫy là Thanh Mai, Tự Mai, Thông Mai.

Trước khi qua đời, Trần Tự An khuyên con trai là Trần Tự Mai nên tìm cách chuyển võ đường Đông A đi một nơi khác để tránh sự xung đột với phái Hoa Sơn, có hại chung cho sự nghiệp võ lâm Đại Việt. Lúc đầu Tự Mai chuyển đến ở Đông Triều, Chí Linh. Sau đó đến đời con là Trần Tự Kinh (tên nghĩa là Kinh) quyết chí đi khẩn hoang ở châu thổ sông Nhị Hà. Mười năm đầu Trần Tự Kinh dựng trại ở Tức Mặc với hai con trai rất giỏi võ là Trần Tự Hấp và Trần Tự Duy. Về cuối đời, ông nghe theo người con trưởng là Tự Hấp chuyển hẳn về ấp Thái Đường, định cư lâu dài, có nhiều ân đức với dân trong vùng. Đến đời Tự Hấp (tên nghĩa là Trầm) kế tục làm trưởng môn phái võ Đông A, thanh thế họ Trần đã rất lớn.

Huyền tích trong tộc phả giải thích lý do họ Trần rời Tức Mặc về Thái Đường rất ly kỳ. Sau khi vua Lý Nhân Tông chết, triều đình có sự rối ren. Một hôm Tự Kinh và hai con Tự Hấp, Tự Duy cùng mấy chục đệ tử đậu thuyền vãn cảnh, bàn luận thế sự, Tự Hấp phát hiện thấy có xác người bị đóng bè trôi sông liền sai thủ hạ vớt lên. Trong số môn đệ phái võ Đông A có Phạm Tử Tuệ giỏi về y thuật. Ông phát hiện thấy xác còn hơi ấm, kinh mạch trì bệ

nhưng chưa chết hẳn nên hết lòng cứu chữa theo lệnh của Tự Hấp. Kẻ được cứu nạn là Đoàn Thông quê ở lộ Hồng Châu (tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay). Ông ta bị một viên quan gian ác ở Thăng Long là Nguyễn Cố sát hại. Vốn là thầy địa lý có tiếng tăm, Đoàn Thông báo với Tự Hấp rằng ở vùng Thái Đường có khu đất tụ nhiều linh khí. Nếu đặt mộ tổ vào đó ắt có ngày sẽ phát đế vương. Tự Hấp nghe xong cả mừng xin cha cho đi gấp về Đông Triều chuyển mộ cụ cố Trần Tự Mai về đặt ở Thái Đường, rồi chuyển gia quyến về đó sinh sống để tiện trông coi phần mộ. Nhờ vậy gia tộc họ Trần mỗi ngày thêm phát đạt, võ môn Đông A càng thêm hưng thịnh, thu hút nhân tài khắp nơi về tụ hợp.

Tự Hấp ở đất Thái Đường sinh ra Trần Lý. Trần Lý lại sinh ra các con Trần Thừa, Trần Tự Khánh, Trần Thị Dung. Người em là Trần Tự Duy ở đất Lưu Xá bên cạnh sinh ra Trần Thủ Huy. Thủ Huy sinh ra Trần Thâm (tức An Quốc vương) và Trần Thủ Độ. Như vậy nếu xét từ đời Trần Tự Kinh thì Tự Hấp thuộc ngành trưởng, Tự Duy thuộc ngành thứ. Đến đời Trần Thừa và Trần Thủ Độ là quan hệ anh em cùng họ nhưng khác ngành, đã sang đời thứ tư. Đó là lý do mà Trần Lý hứa gả Trần Thị Dung cho Trần Thủ Độ. Theo luật tục họ Trần thì cách ba đời là thông gia với nhau được.

HỌ TRẦN KHỞI NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

Họ Trần xuất hiện tại Việt Nam từ khi nào chưa rõ nhưng trong lịch sử đã có nhiều người Việt Nam mang họ Trần từ trước khi những người mang họ Trần gốc Trung Quốc di cư sang. Tiêu biểu như Man Thiện (tên thật là Trần Thị Đoan) thân mẫu của Hai Bà Trưng, người đã tham gia vào cuộc khởi nghĩa của hai bà vào năm 40 sau công nguyên.

Sách Trần Nhân tông viết “Trần Thủ Huy vốn một trang nam nhi tuấn tú và dũng mãnh. Gặp người bị nạn, Thủ Huy đã ra tay cứu giúp. Không ngờ người đó lại là vị thái tử nhà Lý tên là Lý Long Xưởng, con vua Lý Anh tông. Thái tử mang ơn kết tình huynh đệ với Thủ Huy. Thủ Huy giúp Lý Long Xưởng dẹp loạn trừ gian trong hoàng tộc nhà Lý nên được vua Lý gả công chúa Đoan Nghi, trở trưởng phò mã có quyền, có chức trong triều đình. Về sau, vì nghe lời dèm pha, vua Lý đã đày Trần Thủ Huy và công chúa Đoan Nghi đi sứ phương xa tận nước Kim, nước Liêu (thuộc Mông Cổ ngày nay) . Công chúa Đoan Nghi sinh ra Trần Thủ Độ ở bên đó. Khi đã trưởng thành , Trần Thủ Độ trở về Đại Việt, sống với bác là Trần Lý, góp phần khởi nghiệp nhà Trần.

Lý Long Xưởng vì có tội với vua cha, bị truất xuống làm thứ dân. Em là Lý Long Trát được nối ngôi vua hiệu là Lý Cao tông. Lý

Cao tông chơi bời vô độ, không quan tâm chính sự, đất nước đói kém, cướp bóc như ong, các bè đảng nổi lên chiếm cứ các vùng tìm cách cướp ngôi vua. Vua phải chạy lên vùng Quy Hóa (vùng núi tỉnh Phú Thọ ngày nay), thái tử Sảm chạy về Hải Ấp (nay là Lưu Xá, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình). Thái tử Sảm thấy Trần Thị Dung, con gái Trần Lý có nhan sắc bèn lấy làm vợ, phong cho Trần Lý tước Minh Tự, phong cho Tô Trung Từ, em vợ Trần Lý làm Điện tiền chỉ huy sứ. Cha con Trần Lý, Trần Thừa, Trần Tự Khánh đều hết lòng thờ vua nhà Lý. Thái tử Sảm nối ngôi cha, hiệu là Lý Huệ Tông, Lý Huệ tông không có con trai. lại bị bệnh tâm thần nên truyền ngôi cho con gái là Lý Phật Kim, thường gọi là Lý Chiêu Thánh hiệu là Lý Chiêu Hoàng. Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Triều đại nhà Trần bắt đầu từ đây.

HỌ TRẦN CÔNG -SƠ TỔ TAM ĐẠI TẠI ĐÀN CHẾ XƯA

Tại xã Đan Chế khi xưa, xuất hiện tiên thủy tổ họ Trần Công vào thời Lê Sơ. Theo bản gia phả chữ Hán lâu nhất tại nhà tộc trưởng thì có thể hiểu dòng họ Trần Công, vị Tiên thủy tổ, người được ghi đầu tiên của dòng tộc Trần Công là một vị tướng công giữ chức Vệ úy của triều đình nhà Lê, vị này cư trú tại địa phương khác, có một chi nhánh về Đan Chế lập nghiệp²; đến đời ông Trần Công Phụng mới được lập họ mới thành thủy tổ. Các đời 1,2,3 là Triệu tổ hay còn gọi là Tiên thủy tổ. Ông Trần Công Phụng khi lập họ Trần Công, lập nhà thờ và thờ tam đại bề trên. Bản Gia phả lâu nhất do ông Trần Công Tấn, tộc trưởng hậu duệ đời thứ 12 viết. Để tôn trọng ngôn ngữ cũ của người viết về thế thứ các đời là trích nguyên văn chữ Hán; ngày nay đã phát triển đến 18 đời, khi diễn dịch thế thứ giữa bản chữ Hán gốc và thế thứ ngày nay có sự sắp xếp lại cho dễ hiểu, dễ diễn đạt như sau:

² theo quy định xưa “tam đại thành tổ” có nghĩa là 3 đời sau mới được lập họ tại một địa phương

I. TRIỆU TỎ

肇祖譜

TRIỆU TỔ³- ĐỆ NHẤT

1.1. Vệ úy Trần Tướng công 衛尉陳將公- Lịch đại Tiên thủy tổ.

Lịch đại Tiên thủy tổ họ Trần Công tại xã Đan Chê là một Tướng Công, có dị hiệu là:

歷代上高高高祖考前 朝歷授衛尉將軍兼什里侯
姓陳季郎神位之靈及妣從夫戢陳氏認孺人.

Phiên âm:

LỊCH ĐẠI THƯỢNG CAO CAO CAO TIỀN TRIỀU LỊCH
THỤ VỆ UÝ TUỞNG QUÂN KIÊM THẬP LÝ HẦU TÍNH
TRẦN QUÝ LANG THẦN VỊ CHI LINH CẬP TỶ TÔNG PHU
CHỨC TRẦN THỊ NHẬN NHỤ NHÂN .

Nghĩa là:

Ông tổ đầu tiên của họ Trần Công là một vị tướng công chức Vệ Úy, không rõ tên húy là gì, sau đó giữ chức Thập Lý hầu⁴, bà vợ là người hưởng theo chức chồng, tên bà là Trần Thị Nhận .

Ông bà sinh 6 người

1. THẮNG VĂN HẦU KỊ UÝ TUỞNG QUÂN - NHẤT LANG
2. CHÍNH ĐỘI TRƯỞNG- NHỊ LANG
3. Trần thị Mai 梅
4. Trần Thị Liêm 廉

³ Triệu Tổ (chữ Hán: 肇祖) là miếu hiệu do các vị quân chủ đời sau truy tôn cho tổ tiên. Triệu tổ cũng được các tộc họ Việt Nam dùng để tôn vinh ra người đầu tiên khai sáng ra gia tộc của mình.

⁴ Một chức quan tại địa phương, được hưởng bổng lộc nhưng không làm việc xã

5. Trần Thị Đo⁵

6. Trần Thị Đăng 登

Đời này có 4 vị tổ cô khác , nhưng không rõ con của ai

7. Trần Thị Đài 台

8. Trần Thị Út 乚

9. Trần Thị Thông, 通

10. Trần thị Thân 親

1.2. Tổ cô A Nương

Tổ cô A Nương Trần Thị Đãi 娵娘 陳氏待. (con gái thứ 2), bản
trưởng chi chép là Trần thị Thị 陳氏侍

⁵ Tên là Đo : có nghĩa là trẻ sinh ra bị chết trong vòng một tháng, khi chưa đặt tên

TRIỆU TỔ - ĐỆ NHỊ

2.1. Văn Thắng hầu 文勝侯⁶

Con ông Vệ tướng công

Là vị tướng công có dị hiệu là :

高七世 祖考前朝正隊長祇授馳威將軍錦衣衛旗
手指揮同知文勝侯姓陳一郎神位, 妣武氏行一
孺人

Phiên âm:

CAO THẮT THỂ TIỀN TRIỀU CHÍNH ĐỘI TRƯỞNG KỲ
THỤ TRÌ UY TƯỚNG QUÂN CÂM Y VỆ KỲ THỦ CHỈ HUY
ĐỒNG TRI VĂN THẮNG HẦU TÍNH TRẦN NHẤT LANG
THẦN VỊ, TỶ VÕ THỊ HẠNG NHẤT NHỤ NHÂN

Nghĩa là :

Ông tổ trên 7 đời (với người viết - ông Trần Công Tấn- đời thứ 12), triều đình trước giữ chức chính đội trưởng, chỉ huy cờ hiệu tướng quân, người giữ cờ hàng đầu trong chỉ huy, được hưởng tri

⁶ Văn Thắng hầu; nghĩa là người làm quan được hưởng tước hầu tại đất Văn Thắng; tước “hầu” là một tước đứng thứ 2 trong ngũ tước (公侯伯子男) là hệ thống phân cấp tước vị quý tộc thời xưa, đứng đầu là "Công" và theo sau là "Hầu", "Bá", "Tử", "Nam". Hệ thống này ban đầu là cách để phân chia địa vị giữa các chư hầu

VĂN THẮNG HẦU Trần Nhất lang, bà vợ người họ Võ , con gái thứ nhất.

Ông bà sinh:

1. TRẦN CÔNG KHÔI
2. Trần Thị đỏ
3. Trần Thị Sơ 疏, tam nương

2.2. Chính Đội trưởng 正隊長 -nhị lang

2.3. Tổ cô - Tám vị

TRIỆU TỔ - ĐỆ TAM

3.1. - Trần Công Khôi 陳公魁

Con ông Văn Thắng hầu, cháu ông Vệ Tướng Quân

高六世祖考前朝官員子兼什里侯姓陳諱公魁府君,妣陳正室杜氏連孺人,亞室黃氏賢孺人

CAO LỤC THẾ TIỀN TRIỀU QUAN VIÊN TỬ KIÊM THẬP LÝ HẦU TÍNH TRẦN HUÝ CÔNG KHÔI PHỦ QUÂN, TỶ TRẦN CHÍNH THẤT ĐẬU THỊ LIÊN NHỰ NHÂN, Á THẤT HOÀNG THỊ HIỀN NHỰ NHÂN .

Nghĩa là : ông tổ thời trước trên 6 đời (với người viết - ông Trần Công Tấn- đời thứ 12) là quan viên tử⁷; kiêm chức Thập lý hầu, tên CÔNG KHÔI , bà vợ chính là Đậu Thị Liên 杜氏連; bà vợ thứ là Hoàng Thị Hiền 黃氏賢.

Sinh : Thủy tổ TRẦN CÔNG PHƯỢNG

3.2. -Trần Công Đáp 陳公答

3.3 . -Trần Công Tư 陳公斯

3.4. - Trần Công Huân 陳公勳

3.5. -Tổ cô

XX

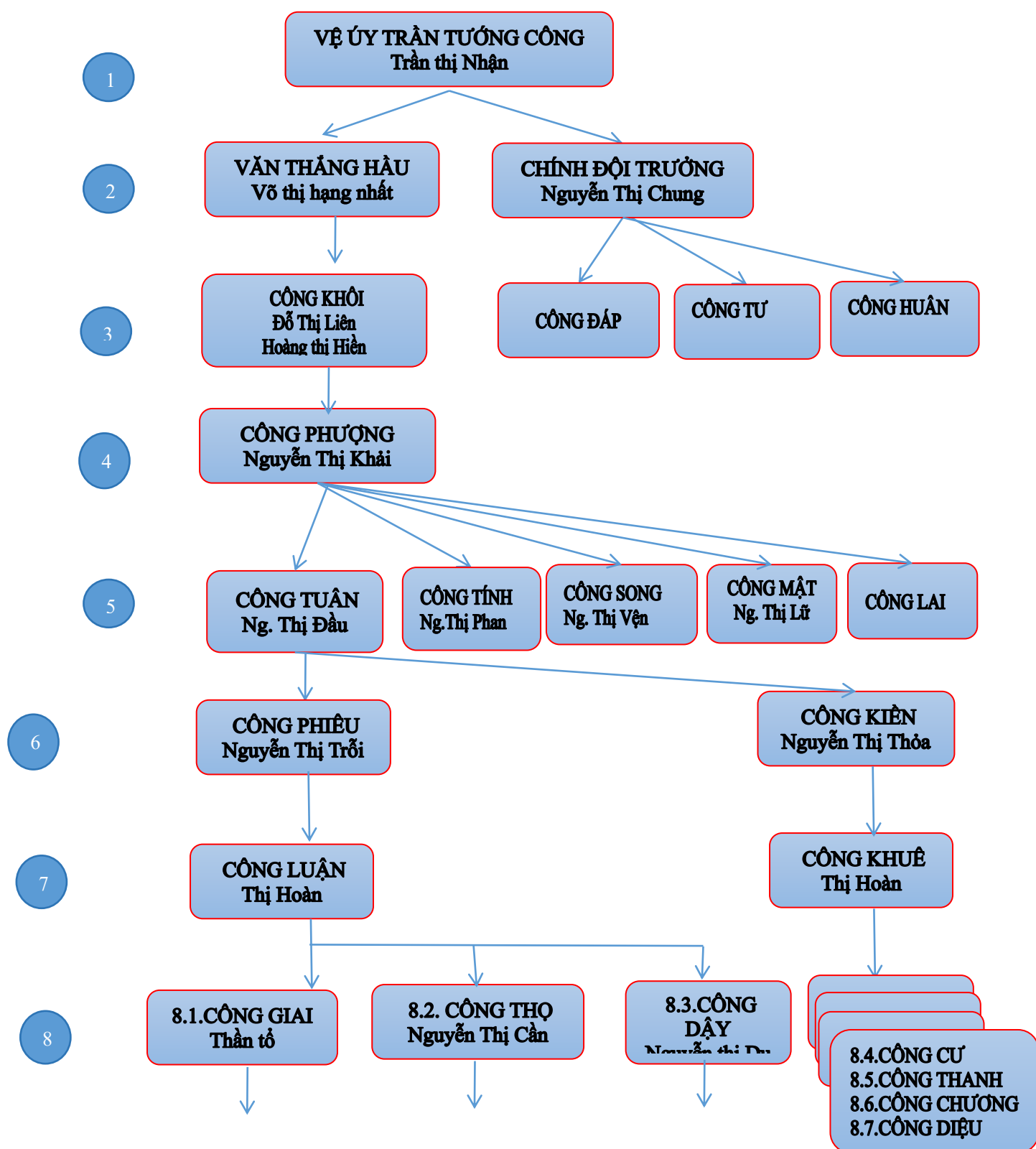
⁷ Viên tử - chức quan con được thừa hưởng theo chức của cha mà triều đình ban cho .

II. ĐẠI TỘC PHỔ

大族舖

ĐẠI TỘC PHẢ

SƠ ĐỒ TỪ ĐỜI THỨ 4 ĐẾN ĐỜI THỨ 8 PHÂN MÔN



ĐỜI THỨ BỐN

4.1. Thủy Tổ - Trần Công Phụng 陳公鳳

Con ông Công Khôi , cháu ông văn Thắng Hầu

DÒNG HỌ TRẦN CÔNG THỜ CHÍNH LÀ ÔNG TRẦN CÔNG PHỤNG THỦY .

Ông Trần Công Phụng có dị hiệu :

五世高高祖考前朝兼祠堂增壽老姓陳諱公鳳府君妣阮氏啓
孺人

Phiên âm : NGŨ THẾ CAO CAO TIỀN TRIỀU KIÊM TỪ
ĐƯỜNG TĂNG THỌ LÃO TÍNH TRẦN HUÝ CÔNG
PHỤNG PHỦ QUÂN , TỶ NGUYỄN THỊ KHẢI NHỰ NHÂN.

Nghĩa là ông tổ trên 5 đời - (với người viết - ông Trần Công Tấn)
thời trước là người giữ từ đường của dòng họ được hưởng chức
“người sống thọ” trong làng ; bà vợ tên là Nguyễn Thị Khởi/ Khải .

Sinh

1. CÔNG TUÂN
2. CÔNG TÍNH
3. CÔNG SONG
4. CÔNG MẬT
5. CÔNG LAI
6. Thị Cần
7. Thị đỏ

4.2. Tổ cô

ĐỜI THỨ NĂM

5.1. Trần công Tuân 陳公遵

Con ông Công Phụng, cháu ông Công Khôi

Ông Trần Công Tuân ông tổ trên 4 đời- (với người viết - ông Trần Công Tấn), có dị hiệu là :

四世高祖考前朝優兵準才伯姓陳公遵一郎府君 妣阮氏頭孺人

Phiên âm : TỨ THẾ CAO TIỀN TRIỀU ƯU BINH CHUẨN TÀI BÁ TÍNH TRẦN CÔNG TUÂN PHỦ QUÂN TỬ NGUYỄN THỊ ĐÀU NHỤ NHÂN.

Ông Tuân , thời trước tham gia binh lính, giữ chức chuẩn tài bá, bà vợ là người giữ chức theo chồng, tên Nguyễn thị Đầu .

Sinh CÔNG PHIÊU

5.2. Trần Công Tính 陳公性

5.3. Trần Công Song 陳公雙

5.4. Trần Công Mật 陳公密

5.5. Trần Công Lai 陳公來

5.6. Tổ cô

ĐỜI THỨ 6

6.1. Trần công Phiêu 陳公慄

Con ông Công Tuân, cháu ông Công Phụng (bản dịch tay đề tên Tiêu 標 là sai chữ Hán),

六世組考姓陳諱公慄府君妣阮氏擢

Phiên âm : LỤC THỂ TÍNH TRẦN HÚY CÔNG PHIÊU PHỦ

QUÂN TỬ NGUYỄN THỊ TRỘI擢 /so 擢 NHỰ NHÂN

Sinh
CÔNG LUẬN

6.2. Trần Công Kiên 陳公虔

ĐỜI THỨ 7

7.1 . Trần Công Luận 陳公論

Con ông Công Phiêu , cháu ông Công Tuấn

高高高祖考黎朝僉總知昇懷遠將軍駿騎尉同總知司姓陳諱
公論府君妣承夫賤陳公正室諱氏還孺人

Phiên âm : CAO CAO CAO LÊ TRIỀU THIÊM TỔNG TRI THĂNG
HOÀI VIỄN TƯỚNG QUÂN TUẤN KỶ UÝ ĐỒNG TỔNG TRI TỶ
TÍNH TRẦN HUÝ CÔNG LUẬN PHỦ QUÂN TỶ THỪA PHU CHỨC
TRẦN CÔNG CHÍNH THẮT HUÝ THỊ HOÀN NHỰ NHÂN

Nội dung: Cao cao cao là Ông tổ trên 5 đời (với người viết - ông
Trần Công Tấn) giữ chức thời Lê, Tuấn (mã) Kị Uý Tướng Quân
Trần Công Luận, bà vợ tên Thị Hoàn 氏還.

Mộ của ông xứ Nương Cu 垵具, mộ bà tại Nương ta 垵嗟, kị ông
ngày 8/6, bà 17/12.

Sinh hạ :

1. CÔNG GIAI 公佳, mộ tại Trầm Bồng 沉蓬, kị 5/10
2. CÔNG THỌ 公壽, mộ tại Cồn Phong 墘風, kị 12/6; bà vợ Nguyễn Thị Cận 僅 sinh hại
3 trai ; chết trẻ 2 người : trần thị đỏ và 1 người là con gái út ,
3. CÔNG DẬY 公跽, tên chữ hán không rõ (扈 hô +脊 tích) nếu tên dật 趺 /跽 /𨇖 /𨇗 /
𨇘

7.2 . Trần Công Khuê 奎

ĐỜI THỨ 8 甲 chi

8.1. Trần công Giai 陳公佳

8.2. Trần Công Thọ 陳公壽

8.3. Trần công Dậy 陳公

Con ông Công Luận, cháu ông Công Phiêu , em ông Công Giai

高祖叔考前朝鄉亭耆老兼仝長姓陳諱公 dậy (tên chữ hán không rõ (庀 hô + 脊 tích) nếu tên dậy 趯/踈/趯/曳/曳) 府君 妣阮氏油孺人

Cao Khảo Tiền Triều Hương Đình Kỳ Lão Kiêm Trùm Trưởng
Tính Trần Huý Công Dậy Phủ Quân Tử Nguyễn Thị Du Nhụ
Nhân

*Ông chú Trần công Dậy trước là trùm trưởng, sống thọ trong làng
kỳ lão , bà vợ là Nguyễn Thị Du .*

Sinh

1. TRẦN CÔNG TẠO
2. TRẦN CÔNG LƯƠNG
3. TRẦN CÔNG RẬM
4. TRẦN CÔNG KIỀNG
5. TRẦN CÔNG PHÍ
6. Giáp nữ Trần thị Triêm 霽- mộ Khe ... xứ kị 14/11
7. Trần thị ...lấy chồng tại bản thôn, bá tộc
8. Giáp sa trần thị đỏ , trần thị đỏ - mộ táng tại Cội con xứ , song táng

8.4. Trần công Cư 居

8.5. Trần công Thanh 清

8.6. Trần công Chương 章

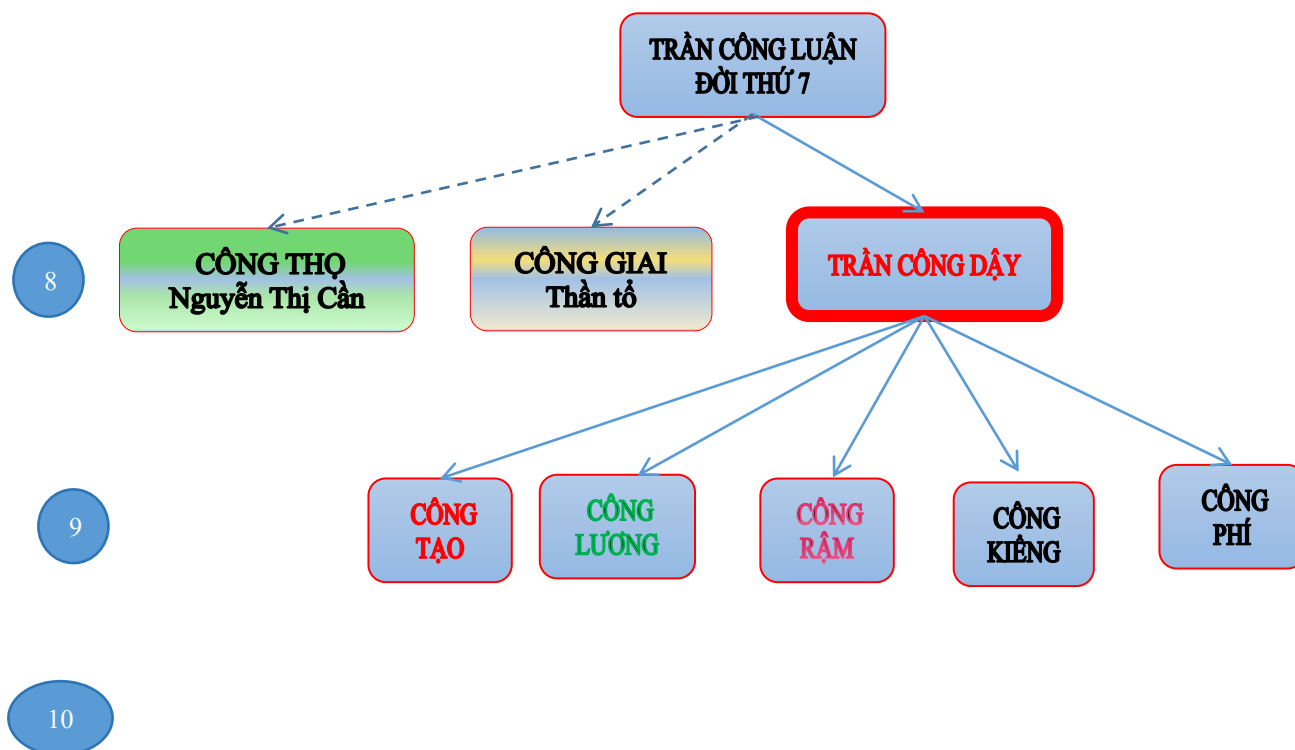
8.7. Trần công Diệu 妙

III. GIÁP MÔN PHỎ

IV. ẤT MÔN PHỎ

BÍNH MÔN PHỎ

BÍNH MÔN 丙



ĐỜI THỨ 8-丙

8.3. Trần công Dây

Con ông Công Luận, cháu ông Công Phiêu, em ông Công Giai, Công Thọ

高祖叔考前朝鄉亭耆老兼仝長姓陳諱公 dây (tên chữ hán không rõ (庀 hô + 脊 tích) nếu tên dây 趯/跂/趺/曳/叻) 府君 妣阮氏油孺人

Cao Khảo Tiền Triều Hương Đình Kỳ Lão Kiêm Trùm Trưởng Tính Trần
Huý Công Dây Phủ Quân Tử Nguyễn Thị Du Nhụ Nhân

*Ông chú Trần công Dây trước là trùm trưởng, sống thọ trong làng kỳ lão,
bà vợ là Nguyễn Thị Du.*

Sinh

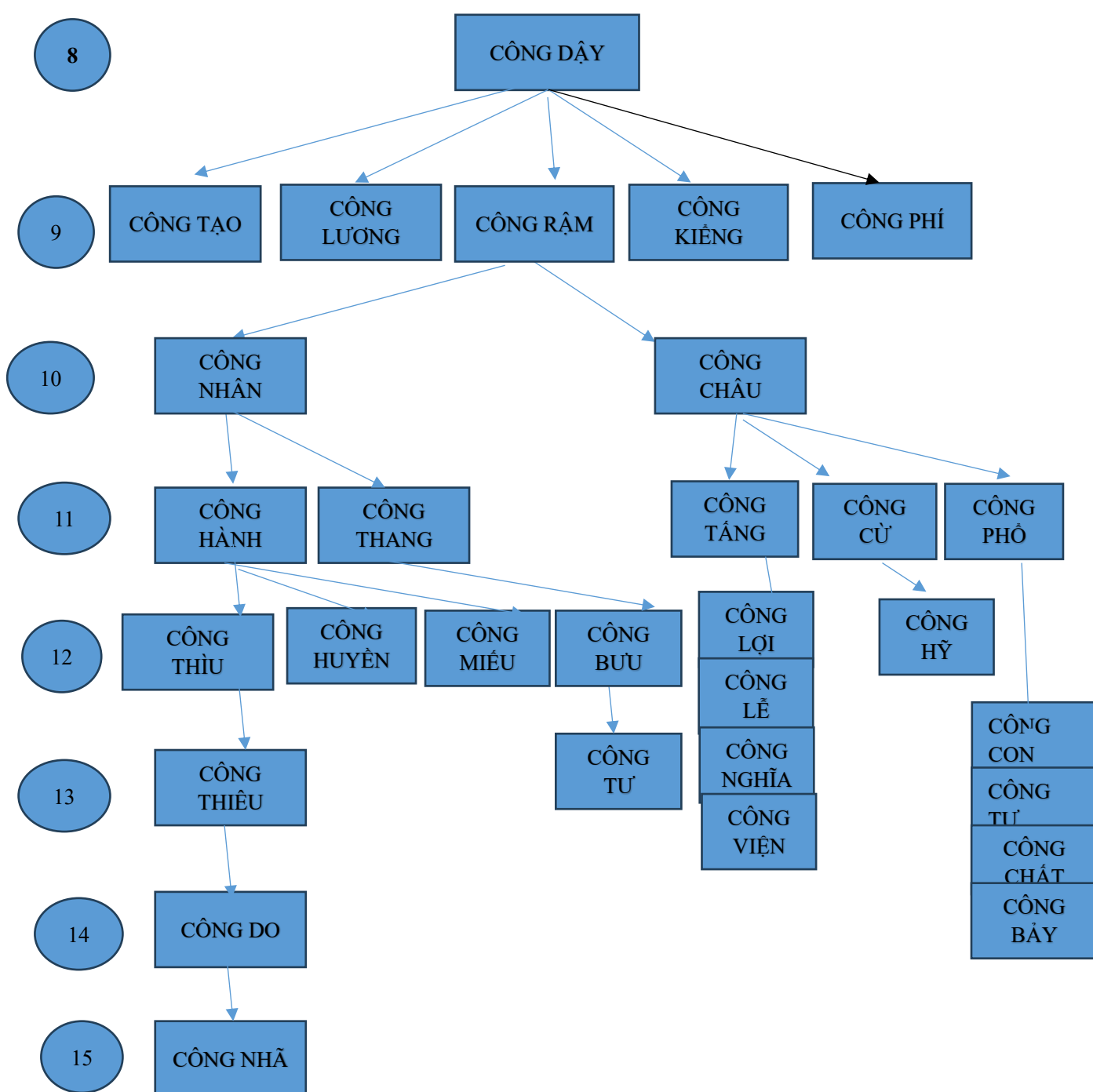
1. TRẦN CÔNG TẠO
2. TRẦN CÔNG LƯƠNG
3. TRẦN CÔNG RẬM
4. TRẦN CÔNG KIỀNG
5. TRẦN CÔNG PHÍ
6. Giáp nữ Trần thị Triêm 霑 - mộ Khe ... xứ kị 14/11
7. Trần thị ... lấy chồng tại bản thôn, bá tộc
8. Giáp sa trần thị đỏ, trần thị đỏ - mộ táng tại Cọi con xứ, song táng

9.A TIÊU CHI ÔNG CÔNG TẠO

9.B.TIÊU CHI ÔNG CÔNG LƯƠNG

9C. TIÊU CHI ÔNG TRẦN CÔNG RẠM

SƠ ĐỒ TIÊU CHI ÔNG TRẦN CÔNG RẠM



9.6. Trần Công Rậm 陳公霖

Con ông Công Dậy, cháu ông Công Luận

高祖 考前優兵昇授公同正隊長仍才伯 侯兼本社
執券本村首祇贈鄉亭耆頤老陳貴公諱陳公霖 謚
武勇府君 - mộ tại Mộ Trơ媒豬 xứ, kị 21/4

高祖妣前從夫職優兵昇授公同正隊長仍才伯 侯
陳正室阮氏 搖號慈順孺人 mộ tại Cồn Thờ 羶蜎 xứ, kị 3/4
生下男女四人全吉

忌 3/4, 墓塋 在羶惇 Lùm thờ 處居公土

Sinh :

1. TRẦN CÔNG NHÂN - trưởng nam , thê Nguyễn Thị Sản 礮(石產)
2. TRẦN CÔNG CHÂU - thứ nam , thê Nguyễn Thị Oanh 鶯
3. Trần thị Đông 冬- lấy chồng tại bản thôn trọng tộc
4. Trần Thị Triêm 霽, mộ tại...
5. Trần thị Lực 力- lấy chồng bá tộc
6. Trần thị đỏ
7. Trần thị đỏ

ĐỜI THỨ 10

10.18. Trần Công Nhân 陳公仁

10.19. Trần Công Châu 陳公珠

Con ông Công Rậm, cháu ông Công Dậy

顯祖考前本店守番增鄉亭壽老陳令公諱公珠二郎府君 - mộ tại
Đội Sơn 隊山 xứ, kị 4/10
顯祖妣前承夫職陳正室阮氏鶯 - mộ tại Trầm Bồng 沈篷 xứ

Sinh

1. TRẦN CÔNG TẶNG 贈/Táng
2. TRẦN CÔNG CỪ 渠
3. TRẦN CÔNG PHÔ 哺
4. Trần thị Liêm 廉 lấy chồng bản thôn hữu tộc
5. Trần Thị Đinh 訂 lấy chồng bản thôn, bá tộc
6. Trần thị Sanh 甥 mộ tại khe ...
7. Trần thị đỏ , Trần thị đỏ - mộ tại cồn trại song táng
8. Trần thị mao 卯 Mộ tại cồn ... xứ
9. Trần thị Quynh 迥, mộ tại cồn trại
10. Trần Công Thủy 始 mộ tại đội sơn xứ
11. Trần Công Diệu 妙, mộ tại đội sơn xứ , kị 2017
12. Trần Công Biện 汴, mộ tại , kị 18/7

ĐỜI THỨ 11

11.19. Trần Công Hành 陳公行

11.20. Trần Công Thang 陳公湯

11.21. Trần Công Tặng/Táng 陳公贈'

Con ông Công Châu, cháu ông Công Rậm

顯考前本社兼本店執券贈鄉亭耆頤老陳令公諱公贈一郎府君生於癸巳年卒于丙午年 kị 14/10 mộ táng tại Trầm bồng xứ
Nguyên mệnh sinh Quý tị niên hưởng 74 tuổi chết ngày 14/10 năm
Bính Ngọ , mộ táng tại Trầm Bồng xứ , thâm điền, hướng Đông bắc
- kiêm Đình vị 3 phân kim , chính châm Quý Sửu - Quý vị.

顯叔妣前承夫職陳正室氏勤孺人- mộ tại nương ta 娘嗟 xú kị
7/12

繼室枚氏秀

顯叔妣前承夫職陳亞室枚氏秀孺人

Chính thất sinh hạ 8 người con , còn 1 trai , chết sớm 3 trai 2 gái

Kế thất sinh hạ 6 người con , trưởng thành 4 chết 1 trai, 1 gái

1. TRẦN CÔNG LỢI 利
2. TRẦN CÔNG LỄ 禮
3. TRẦN CÔNG NGHĨA 義
4. TRẦN CÔNG LƯỢNG 量/VIỆN
5. TRẦN CÔNG ĐẠT 達/TỬU
6. TRẦN ÔNG ĐỘ 度- thê xuất giá , sinh công đồ
7. Trần thị Đình 停 mộ tại bác Khe xú
8. Trần Thị Chế 制 lấy chồng Doãn tộc
9. Trần thị sự 事, lấy chồng trong thôn
10. Trần thị Máy , lấy chồng An Thọ
11. Tảo sa
12. thị đồ , mộ tại còn trại xú
13. Trần công đồ

11.22. Trần Công Cừ- 陳公渠

Con ông Công Châu, cháu ông Công Rậm

顯叔考第二前優兵懼有憑給英勇將君乂安篤處地方願
兵官范 爲憑給事炤得屬標之陞授隊長兼伊銜隊本年
派戍南定省什長懸鉄查有伍長陳丕妥貫河靜省石河縣
中總丹制社授軍有日武藝稍知爲人敏幹可甚推捕給憑
隊長經該官員察寔呈辦篤因給該名宜率十內兵丁聽從
管率員差派若懈怠弗勤有公法有須至憑給者
陳貴公諱公渠俗名固仲

顯叔妣前承夫優兵陞授隊長陳正室諱氏豁孺人, kị 19/10, mộ
tại còn trại

右憑給

關鎮乂
印兵靜

神機營武銜捌隊武給憑隊長陳妥... ..
嗣德貳拾年陸月什貳日

兵
關
印

印
跡

乂
靜
鎮

1. Sinh TRẦN CÔNG HỮ 矣 thê Nguyễn Thị Thịnh 盛
2. Trần Thị Hiếu 孝- lấy chồng tại trực thôn
3. Trần Thị Hào 好-lấy chồng tại An Thọ thôn
4. Công đỏ
5. Trần thị đỏ , mộ tại bác khe xứ
6. Trần Thị Bảng 榜 kị 18/1 mộ tại rậm hà xứ
7. Trần Thị Đạt 達 kị 9/1,

11.23. Trần Công Phô 陳公哺

Con ông Công Châu, cháu ông Công Rậm

顯叔考前本村職役兼本店守番本鄰執券增鄉亭耆頤老陳貴
公諱公鋪府君-俗名固榮
顯叔妣前承夫職正室諱氏汰,kị 28/8,mộ táng tại trâm bông xứ

Sinh 9 người con

1. TRẦN CÔNG PHÙ 扶, thê Nguyễn thị út 卩
2. TRẦN CÔNG PHỈ 肥, thê Nguyễn thị Nhỏ 乳
3. TRẦN CÔNG CON 琯, thê Nguyễn thị Thực 寔, kẻ thất mai thị ...
4. TRẦN CÔNG TU 冏 thê Nguyễn Thị Đi 娣
5. TRẦN CÔNG CHẤT 憤 thê Nguyễn Thị Em 俺
6. TRẦN CÔNG BẦY 毚 thê Nguyễn thị Con 琯, kẻ thất Nguyễn thị ...
7. CÔNG KIÊM
8. CÔNG THU
9. Trần Công Dị 異
10. Trần thị đi 娣 lấy chồng tai thôn , người trong họ
11. Thị đỏ
12. Công đỏ

ĐỜI THỨ 12-丙

12.13-Trân Công Thù 韶

12.14-Trân Công Huyền 玄

12.15-Trân Công Miếu 眇

12.16-Trân Công Bưu 彪

12.17.Trân công Lợi 陳公利

Con Công Tạng/Tắng, cháu ông Công Châu

Trân Công Lợi, thê Nguyễn Thị viện 院
Sinh hạ

1. TRẦN CÔNG TĨNH 靜, thê Tiên Thị Tam, sinh hạ Trần Công Con 琯 ,
2. **CÔNG HỒNG**
3. Trần Thị Mạnh 萌, lấy chồng tại An Thọ thôn

4. Trần thị Chế 制, lấy chồng trong họ anh
5. Trần thị Sự 事, lấy chồng tại thôn Trục
6. Trần thị nhỏ 𡈼 lấy chồng tại An Thọ

12.18. Trần công Lễ 陳公禮

Con ông Công Tạng/Tảng, cháu Công Châu

Ông Trần Công Lễ 禮 thê Nguyễn thị Miễn 勉- bà mẹ tần 嬪 (thê thiếp)

Sinh hạ 4 trai 3 gái , chết 1 trai nhỏ

令弟二第前充壯團昇授本社什里侯鄰會俊長增鄉亭知殿職
壽老陳貴公諱公禮府君, mộ tại nương ta xứ , kị 18/4

Thứ thê Tiên Thị Tư 𡈼

1. TRẦN CÔNG BÌNH 平 *Luyện*, (thê Thị Cầy 猗, Nguyễn Thị Ân 恩) sinh Trần thị Chiêu 招
2. Trần Thị Em 媵
3. TRẦN CÔNG BẰNG 朋 (*Thuận*), thê Nguyễn Thị Nhức 𡈼 (言戈) sinh Công đỏ
4. TRẦN CÔNG HỮU 友 (*Bón/Thông*), thê Nguyễn Thị Luận 論/Em/Trạch
5. Trần Thị Năm 𡈼, lấy chồng con nhà bác
6. TRẦN CÔNG LỤC 陸
7. Trần thị Tư 𡈼/酒
8. Trần công đỏ
9. Trần công cường 彊
10. Trần Thị đỏ
11. Trần Công đỏ
12. Trần Thị đỏ
13. Trần công đỏ

12.19. Trần công Nghĩa 陳公義

Con Công Tạng cháu ông Công Châu

顯考前本鄰守券鄉中… 老陳貴公諱公義, kị 5/5

顯妣前承夫陳正室阮氏盛伯族, kị 17/10; kế thất 阮氏…

Sinh hạ

1. TRẦN CÔNG ĐỊNH 定 - thê Nguyễn Thị...sinh hạ Trần Thị Chát 質, trần thị Ổ 塢, trần thị Ô 烏, Trần Thị đỏ, Trần Thị đỏ trần thị em)
2. TRẦN CÔNG HỒNG 紅/ĐIỆT
3. Trần công đỏ
4. Trần thị đỏ
5. Trần Thị Khai 開
6. Trần thị đỏ
7. Trần công đỏ
8. Trần công Duệ/ dái 曳
9. Trần công con 毘

12.20.Trần công Viện 院/ Sáu

Con Công Tặng cháu ông Công Châu

Sinh hạ

1. TRẦN CÔNG SÁU
2. CÔNG CON

12.21.Trần công Tửu 酒

Con Công Tặng cháu ông Công Châu

12.22.Trần công Độ 度

Con Công Tặng cháu ông Công Châu

12.23.Trần công Hĩ 陳公矣

Con ông ông Cừ cháu ông Công Châu

Trần Công Hĩ thê Nguyễn Thị Thịnh 盛

Sinh hạ

1. TRẦN CÔNG THỦ 殊 thê Nguyễn Thị Hai 仁 sinh Nguyễn thị Con 琨
2. Trần công Thiện 善
3. Tảo sa trần thị đỏ
4. Tảo sa trần thị đỏ
5. Trần thị ba 巴
6. Con gái Trần thị Súc 飭 lấy chồng thôn Thượng thực , Lê tộc

12.24. Trần công Phù 陳公浮/ Bộ 哺

Con Ông Công Phổ cháu ông Công Châu

Ông công Phù 浮 Bà thị út 乙, mộ tại Trầm Bồng , ky 7/6

Sinh

1. TRẦN CÔNG VINH 榮□
2. TRẦN CÔNG VANG 嚙 thê Nguyễn Thị Quy 跪 sinh 1 trai 3 gái : thị đệ , thị em , thị 馳, thị 翠
3. Trần Thị biện 辨 (Ỡ 辨) lấy chồng trong thôn bá phái
4. Trần thị em 媵
5. Trần công bốn 罊
6. Trần công Thi 詩

12.25. Trần công Phì 陳公肥

Con Ông Công Phổ cháu ông Công Châu

Tên thường gọi là cổ Hoán 換, Thê Nguyễn Thị Chuyết 拙

Sinh

1. TRẦN CÔNG TUYẾT 雪, thê Lê Thị Chuyết 拙 sinh Trần Công Hoán 換, Trần Công 耒牛
2. TRẦN CÔNG NHƯỢNG 讓, thê Nguyễn Thị Hai 仁, sinh 1 trai 1 gái : Trần công Nhĩ 邇,

- Trần Thị Đệ 娣
 3. TRẦN CÔNG XUÂN 春 thê Đỗ thị Phúc 福
 4. Trầncông Hạ 夏
 5. Trần công bốn 畚
 6. Trần công thi 詩
 7. Trần thị Nỗi 餒 lấy chồng bản thôn
 8. Trần thị năm 甃 lấy chồng bản thôn bá tộc
 9. Trần Thị sáu 𡇗
 10. Trần thị Thù 殊
 11. Trần Thị Đỏ

12.26. Trần công Con 陳公琨

Con Ông Công Phô cháu ông Công Châu

Trần công Con , thê Nguyễn thị Thực 寔 kị 13/1; kế thất nguyên thị
 Khuy 虧
 Sinh

1. Trần thị tụy 萃, lấy chồng tại ... tộc
2. Trần thị đỏ

12.27. Trần công Tư 陳公罈

Con Ông Công Phô cháu ông Công Châu

Thê nguyên thị Đệ 娣

Sinh

1. TRẦN CÔNG QUY 跪 the Trần Thị Út 𡇗
2. Trần thị Đệ 娣
3. Trần thị Em 俺
4. Trần thị ba 𡇗
5. Trần thị Ti 俾
6. Trần thị năm 甃
7. Trần thị sáu 𡇗

12.28.Trần công Chát 陳公愜

Con Ông Công Phô cháu ông Công Châu

Thê Nguyễn thị em 媿

Sinh

1. TRẦN CÔNG NGUNG 隅 thê nguyên thị nhượng 讓
2. TRẦN CÔNG NGHÊNH 迎 thê Công thị bảy 罷, sinh Công con 罷
3. TRẦN CÔNG BUỒN 湓 thê Lê Thị em
4. Trần thị đỏ
5. Trần thị đỏ
6. Trần đỏ

12.29.Trần công Bảy 陳公罷

Con Ông Công Phô cháu ông Công Châu

Thê Nguyễn thị Con, kế Nguyễn thị Út 𡈼

Sinh

1. TRẦN CÔNG PHƯƠNG 方
2. Trần Thị Đi 娣, lấy chồng tại hữu tộc
3. Trần thị em 媿, lấy chồng tại hữu tộc

12.30.Trần công Kiệm 儉

Con Ông Công Phô cháu ông Công Châu

4. TRẦN CÔNG LẠP

12.31.Trần công Thư 書

Con Ông Công Phô cháu ông Công Châu

ĐỜI THỨ 13-丙

13.19-Trần Công Thiêu 燒

Con ông Công Hành, cháu ông Công Nhân,

Thê Công thị Đích 的

顯考前陳曹群鄉中壽老陳貴公諱公韶; 顯妣前承夫職阮正室
阮氏德,

Sinh 8 người

1. TRẦN CÔNG DO 由 thê Công thị Đích 的
2. TRẦN CÔNG TƯ 冏 thê Nguyễn thị năm 年
3. TRẦN CÔNG ĐOAN 端 thê xuất giá, có sinh con Trần công đỏ
4. Trần Thị Đâu 兜 lấy chồng tại Trung Hòa Thôn
5. Trần thị năm 年, lấy chồng tại thôn ,con bá tộc
6. Trần thị đi 弟, mộ tại cồn đình
7. Trần thị đi mộ cùng xứ
8. Trần thị đỏ

13.20.Trần Công Tư 冏

Con ông công Bưu cháu ông Công Thang

Vợ Nguyễn Thị Năm

13.21.Trần Công Tĩnh 陳公靜

Con ông công Lợi cháu ông Công Tằng
Bà vợ thê thiếp Nguyễn thị Miến 勉

sinh :
CÔNG AN

13.22.Trần Công Bình 平

Con ông Công Lễ , cháu ông Công Tằng
Vợ Nguyễn Thị Cầy 猗, Nguyễn thị Ân 恩

sinh :
Trần thị Con 猷
Trần công đồ

1. Trần Thị Tỉ
2. TRẦN CÔNG SỬU
3. Trần Thị Mai

13.23.Trần Công Bằng 朋 /

Con ông Công Lễ , cháu ông Công Tằng
Vợ Nguyễn Thị Thức

sinh :
Trần công đồ

13.24.Trần Công Hữu 友

Con ông Công Lễ , cháu ông Công Tằng
Vợ Nguyễn Thị Luận 論

sinh :

13.25.Trần Công Lục

Con ông Công Lễ , cháu ông Công Tằng

13.26.Trần Công Định 定

Con ông Công Nghĩa , cháu ông Công Tằng

sinh :

13.27.Trần Công Diệt 姪

Con ông Công Nghĩa , cháu ông Công Tằng
Vợ Nguyễn Thị Luận 論

sinh :

13.28.Trần Công Lục 陸/Sáu

Con ông Công Viện/Vện, cháu ông Công Tằng
Vợ

sinh :

CÔNG TRÂM
CÔNG ANH

13.29.Trần Công Con 孫

Con ông Công Viện/Vện, cháu ông Công Tằng

Vợ

13.30.Trần Công Thù 殊

Con ông Công Hĩ, cháu ông Công Cừ

13.31.Trần Công Vinh 嚶

Con ông Công Phù, cháu ông Công Phổ
Thị Đạo

sinh :
CÔNG BÌNH

13.32.Trần Công Vang 嚶

Con ông Công Phù, cháu ông Công Phổ
Vợ Thị Quy

13.33.Trần Công Tuyết 雪

Con ông Công Phì, cháu ông Công Phổ

Lê Thị Chút

sinh :
CÔNG HOÁN

13,34.Trần Công Nhượng 讓

Con ông Công Phì, cháu ông Công Phổ

Ng. Thị hai 仁

sinh :
CÔNG NHĨ

13.35.Trần Công Xuân 春

Con ông Công Phì, cháu ông Công Phổ
ĐỖ Thị Phúc

13.36.Trần Công Quy 跪

Con ông Công Tư, cháu ông Công Phổ

13.37.Trần Công Ngung 隅

Con ông Công Chất, cháu ông Công Phổ

Vợ xuất giá

sinh :

CÔNG CON

13.38.Trần Công Nghinh 迎

Con ông Công Chất, cháu ông Công Phổ

Lê Thị Em

sinh :

CÔNG PHỤNG

13.39.Trần Công Buồn 慇/giềng 塹(正盈)

Con ông Công Chất, cháu ông Công Phổ

13.40.Trần Công Phương 方

Con ông Công Bảy, cháu ông Công Phở

13.41.Trần Công Lạp 臘

Con ông Công Kiệm, cháu ông Công Phở
sinh :

CÔNG ĐÀI
CÔNG VẠN

Thị Đệ
Thị hai
Thị ba
Thị út
Thị đệ

ĐỜI THỨ 14-丙

14.13.Trần Công Do 由

Con ông Công Thiêu , cháu ông Công Thù

sinh :

CÔNG NHÃ
CÔNG BỐN
CÔNG SÁU

14.14.Trần Công Tư 司

Con ông Công Thiêu , cháu ông Công Thù

sinh :

CÔNG DẦN

14.15.Trần Công Đoan 端

Con ông Công Thiêu , cháu ông Công Thù

sinh :

14.16.Trần Công An 安

Con ông Công Tĩnh , cháu ông Công Lợi

14.17.Trần Công Trâm 簪

Con ông Công Sáu, cháu ông Công Viện
Vợ

14.18.Trần Công Anh 嬰

Con ông Công Sáu, cháu ông Công Viện

14.19.Trần Công Bình 平

Con ông Công Vinh, cháu ông Công Phù
Thị Đạo

sinh :

CÔNG CÔI

14.20.Trần Công Hoán 喚

Con ông Công Tuyết, cháu ông Công Phì

14.21.Trần Công Nhĩ 耳

Con ông Công Nhượng, cháu ông Công Phì

14.22.Trần Công Con 琿

Con ông Công Ngung, cháu ông Công Chắt

14.23.Trần Công Phụng 奉

Con ông Công Nghinh, cháu ông Công Chắt

14.24.Trần Công Đài 台

Con ông Công Lạp, cháu ông Công Kiệm

sinh :

CÔNG KHANG

9.D.TIÊU CHI ÔNG TRẦN CÔNG KIỀNG

CÁC TIÊU CHI KHÁC

ĐỜI THỨ 9

9.8. Trần Công Phí 陳公費

Con ông Công Dậy, cháu ông Công Luận

9.9 .Ông Công Đồn 頓

Con ông Cư, cháu ông Công Khuê

9.10. Ông Công Tác 作

Con ông Cư, cháu ông Công Khuê

ĐỜI THỨ 10